

Số: *SM* /BVSKTTHP-VTTBYT-CNTT  
V/v cung cấp báo giá hóa chất,  
sinh phẩm xét nghiệm

Hải Phòng, ngày 20 tháng 3 năm 2026

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Hiện nay, Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở xây dựng kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với hóa chất, sinh phẩm xét nghiệm, với nội dung cụ thể như sau.

### **I. THÔNG TIN CỦA ĐƠN VỊ YÊU CẦU BÁO GIÁ**

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng

- Địa chỉ: Ngõ 275 Đông Khê, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng

- Số điện thoại: 0225 3246 117

2. Địa điểm tiếp nhận báo giá: Phòng Vật tư thiết bị y tế - Công nghệ thông tin, Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng.

- Ngõ 275 Đông Khê, Phường Gia Viên, Thành phố Hải Phòng

- Nhận qua email: [benhviensuckhoetamthanhp@gmail.com](mailto:benhviensuckhoetamthanhp@gmail.com)

3. Hình thức tiếp nhận báo giá: Trực tiếp

Bản pdf có chữ ký và đóng dấu của người đại diện theo pháp luật của đơn vị cùng bản mềm (word, excel) và bản scan các hồ sơ tài liệu có liên quan (cataloge, datasheet...).

4. Thời hạn tiếp nhận báo giá:

- Từ ngày 20/3/2026 đến ngày 29/3/2026

- Các báo giá nhận được sau thời điểm nêu trên sẽ không được xem xét.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 29/3/2026.

**II. NỘI DUNG YÊU CẦU BÁO GIÁ:** Như phụ lục đính kèm.

Chúng tôi rất mong nhận được sự hợp tác của các hãng sản xuất, nhà cung cấp.

Xin trân trọng cảm ơn!

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Tổ Tư vấn mua sắm;
- Lưu: VT, VTTBYT-CNTT.



**GIÁM ĐỐC**

**Đoàn Hồng Quang**



**Phụ lục**  
**DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, TIÊU CHÍ**  
**KỸ THUẬT MÁY XÉT NGHIỆM ĐIỆN GIẢI**  
 (Kèm theo Công văn số 311/BVSKTTHP-VTTBYT-CNTT  
 ngày 20/3/2026 của Bệnh viện Sức khỏe Tâm thần Hải Phòng)

STT	Danh mục	Mô tả yêu cầu về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật	Số lượng/ Khối lượng	Đơn vị tính
<b>I</b>	<b>MUA SẴM HÓA CHẤT ERBA</b>			
1	HDL-C 160	R1: MES buffer (pH 6.5) 6.5 mmol/l; TODB N, N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline) 3 mmol/l; Polyvinyl sulfonic acid 50 mg/l; Polyethylene-glycol-methyl ester 30 ml/l; MgCl <sub>2</sub> 2 mmol/l R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l Detergent 0.5 %	800	MI
2	LDL-C 80	R1: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Polyvinylsulfonic acid 50 mg/l; Polyethyleneglycolmethylester 30 ml/l; 4-aminoantipyrine 0.9 g/l; Cholesterol esterase 5 kU/l; Cholesterol oxidase 20 kU/l; Peroxidase 5 kU/l Detergent R2: MES buffer (pH 6.5) 50 mmol/l; Detergent TODB N,N-Bis(4-sulfobutyl)-3-methylaniline 3 mmol/l	800	MI
3	Glucose	R1: Phosphate buffer 250 mmol/l; Glucose oxidase > 25 U/ml; Peroxidase > 2 U/ml; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.5 mmol/l	1.760	MI
4	Cholesterol	Dùng để định lượng Cholesterol trong huyết thanh và huyết tương người Thành phần: R1: Good's Buffer 50 mmol/l; Phenol 5 mmol/l; 4-aminoantipyrine 0.3 mmol/l; Cholesterol esterase ≥ 200 U/l; Cholesterol oxidase ≥ 50 U/l; Peroxidase ≥ 3 kU/l	1.320	MI

5	Trglycerides	R1: Good's buffer (pH 7.2) 50 mmol/l; 4-Chlorophenol 4 mmol/l; Mg 2+ 15 mmol/l; ATP 2 mmol/l; Glycerolkinase $\geq 0.4$ KU/l; Peroxidase $\geq 2.0$ KU/l; Lipoproteinlipase $\geq 2.0$ KU/l; Glycerol-3-phosphate-Oxidase $\geq 0.5$ KU/l; 4-Aminoantipyrine 0.5 mmol/l	1.320	MI
<b>II MUA SẮM HÓA CHẤT XÉT NGHIỆM HUYẾT HỌC</b>				
1	Diluclair A	Hoá chất rửa thường quy dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,5 % Sodium salts < 2,0 % Proteolytic enzyme < 0,5% Preservative < 0,05 % Độ pH: (7.20 $\pm$ 0.10) Điện trở suất: (70.0 $\pm$ 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (320 $\pm$ 20) mOsmol/kg đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Xuất xứ: G7; Chai 1 Lít	5	Lít
2	Diluton LMG	Hoá chất pha loãng dùng cho máy huyết học Thành phần: Organic buffer < 0,1 % Sodium salts < 1,0 % Natrium azide < 0,05 % Độ pH: (6.95 $\pm$ 0.10) Điện trở suất: (58.5 $\pm$ 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (330 $\pm$ 10) mOsmol/kg đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Đóng gói 20 lít/ hộp Xuất xứ: G7; Thùng 20 Lít	60	Lít
3	Lysoglobine LMG2	Hoá chất ly giải hồng cầu, giải phóng HGB. Thành phần: Ammonium salts < 3,0 % Potassium cyanide < 0,05 % Độ pH: (9.30 $\pm$ 0.50) Điện trở suất: (244.0 $\pm$ 6.0) Ohm.cm Áp suất thẩm thấu: (60 $\pm$ 10) mOsmol/kg đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Xuất xứ: G7; Hộp 1 Lít	3	Lít
4	Dung dịch pha loãng CELLPACK (PK-30L)	"Dung dịch pha loãng cho máy huyết học Đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO13485 Thùng 20 lít"	300	Lít
5	Dung dịch ly giải hồng cầu STROMATOLYSER- WH (SWH-200A)	Công dụng: Dung dịch ly giải hồng cầu, giúp đếm chính xác số lượng bạch cầu Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 90 ngày Thành phần: Organic quaternary ammonium salt 8,5g/l và sodium chloride 0.6g/l Chai 500ml	4.000	MI

6	Hóa chất điện giải EasyLyte Na/K/Cl Solutions Pack	Sử dụng để định lượng nồng độ Natri (Na <sup>+</sup> ), Kali (K <sup>+</sup> ) và Clorua (Cl <sup>-</sup> ) trong huyết thanh người, huyết tương, máu toàn phần và nước tiểu Thành phần: Standard A Solution, 800mL: 140.0 mmol/L Na <sup>+</sup> ; 4.0 mmol/L K <sup>+</sup> ; 125.0 mmol/L; Cl <sup>-</sup> 125 mmol/L; Buffer; Preservative; Wetting Agent Standard B Solution, 180mL: 35.0 mmol/L Na <sup>+</sup> ; 16.0 mmol/L K <sup>+</sup> ; 41.0 mmol/L Cl <sup>-</sup> ; Buffer Preservative; Wetting Agent Wash Solution, 80mL 0.1 mol/L Ammonium bifluoride Waste Container . Hộp: 800ml/hộp	6.400	MI
7	Dung dịch rửa máy	Dung dịch rửa máy, thành phần gồm: -1 chai Daily Cleaner Diluent 90 ml, HCl 0,1N; muối -6 chai pepsin Hộp: 1 lọ Rinse 90ml + 6 lọ Pepsin	180	MI
8	Dung dịch kiểm chuẩn Bi-Level Quality Control Kit	Dung dịch kiểm chuẩn test Na, K, Cl, Li, Ca, pH, gồm 2 mức bình thường và bất thường Gồm muối, chất đệm, albumin lợn, chất bảo quản. Hộp: 2x10ml	80	MI
9	IVD rửa dùng cho máy xét nghiệm huyết học, nước tiểu CELLCLEAN (CL-50)	Công dụng: Dung dịch kiểm mạnh dùng để rửa hệ thống máy huyết học, Bảo bảo ở 1 - 30 độ C Sau khi mở nắp ổn định trong vòng 60 ngày Thành phần: Sodium hypochlorite 5% Hộp 50mL	50	MI
10	Nội kiểm máy huyết học BloodTrol 3D ST	Dùng để kiểm chuẩn máy huyết học 3 thành phần Bạch cầu. Đạt tiêu chuẩn chất lượng CE, ISO13485. Đóng gói hộp 3x3 ml	36	MI
11	Que thử chuẩn dương tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Clinitek Atlas Control+	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn dương tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Glucose; crystalline bilirubin; sodium methyl acetoacetate; bovine hemoglobin; bovine serum albumin; 5-(4-sulfobutoxy)-2-methylindole sodium salt; sodium nitrite; protease (fungal). 25 test/ hộp	100	Test
12	Que thử chuẩn âm tính dùng cho máy xét nghiệm nước tiểu Clinitek Atlas Control -	Hóa chất kiểm tra độ chuẩn âm tính dùng cho máy phân tích nước tiểu. Thành phần: Potassium phosphate monobasic and dibasic; sodium chloride; urea. 25 test/ hộp	100	Test
<b>III MUA SẴM SINH PHẨM XÉT NGHIỆM</b>				
1	Test phát hiện kháng thể HIV-1 và HIV-2	Độ nhạy 100%, độ đặc hiệu $\geq 99,75\%$ , Cho kết quả nhanh trong vòng 15 phút, Độ ổn định của kết quả xét nghiệm tới 60 phút, không cần sử dụng thêm bất kỳ dung dịch dịch đệm(chase) cho mẫu máu huyết thanh, huyết tương. Sinh phẩm nằm trong Khuyến cáo Phương cách xét nghiệm chẩn đoán HIV Quốc gia của Viện vệ sinh dịch tễ trung ương	500	Test

2	Test định tính HBSAg	Độ nhạy 98,4%, độ đặc hiệu $\geq 99,6\%$ ; Giới hạn phát hiện $\geq 0.1$ IU/ml. Xét nghiệm phát hiện được ít nhất 14 đột biến khác nhau của HbsAg bao gồm: P120Q, T123A, T126N, T126S, Q129R, Q129H, Q129L, M133H, M133L, K141E, P142S, T143K, D144A và G145R.	3.500	Test
---	----------------------	---	-------	------